

Số: 05/2018/QĐST – DS

Phổ Yên, ngày 20 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 150, 429, 463, 466, 468 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLST – DS ngày 09 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1956

ĐKHKT: Thôn Châu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: 1. Anh Tạ Thành C, sinh năm 1976

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Đều ĐKHKT: Xóm Nguyễn Hậu, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đồng Thị N, sinh năm 1959

ĐKHKT: Thôn Châu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nghĩa vụ trả khoản tiền nợ: Ông Hà Văn Đ, bà Đồng Thị N, anh Tạ Thành C, chị Nguyễn Thị H nhất trí thỏa thuận anh Tạ Thành C, chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng (tiền gốc) là 1.730.000.000đ (một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) cho ông Hà Văn Đ và bà Đồng Thị N.

2.2. Thời hạn và phương thức trả nợ: Ông Hà Văn Đ, bà Đồng Thị N, anh Tạ Thành C, chị Nguyễn Thị H nhất trí thỏa thuận trả khoản tiền nợ gốc 1.730.000.000đ (một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) làm 8 kỳ, cụ thể như sau:

Kỳ thứ nhất: trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 30/5/2018 (dương lịch);

Kỳ thứ hai: trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 30/6/2018 (dương lịch);

Kỳ thứ ba : trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 30/7/2018 (dương lịch);

Kỳ thứ tư : trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 30/8/2018 (dương lịch);

Kỳ thứ năm: trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 30/9/2018 (dương lịch);

Kỳ thứ sáu: trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 30/10/2018 (dương lịch);

Kỳ thứ bảy: trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 30/11/2018 (dương lịch);

Kỳ thứ tám: trả số tiền còn lại 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng)) vào ngày 30/12/2018 (dương lịch).

2.3. Về lãi suất khoản tiền nợ: Ông Đ, bà N không tính lãi suất khoản tiền nợ trên nên Đình chỉ yêu cầu của ông Đ, bà N đòi khoản tiền lãi suất của khoản tiền vay đối với anh C, chị H.

2.4. Biện pháp bảo đảm thi hành án: Ông Hà Văn Đ, bà Đồng Thị N, anh Tạ Thành C, chị Nguyễn Thị H thỏa thuận: Nếu hết hạn mỗi kỳ thanh toán, mà anh C, chị H chưa trả được cho ông Đ, bà N số tiền mà kỳ hạn đó anh C và chị H có nghĩa vụ phải trả, thì ông Đ và bà N có quyền yêu cầu thi hành án buộc anh C, chị H phải trả toàn bộ số tiền còn nợ mà không cần đợi đến kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

2.5. Về lãi suất chậm thi hành án của khoản tiền nợ: Ông Hà Văn Đ, bà Đồng Thị N, anh Tạ Thành C, chị Nguyễn Thị H thỏa thuận: Nếu anh C, chị H không trả được tiền gốc trong giai đoạn thi hành án thì phải trả khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2.6. Về án phí: Ông Hà Văn Đ, bà Đồng Thị N, anh Tạ Thành C, chị Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận: anh Tạ Thành C và chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch khoản tiền vay bằng 50% mức án phí

được xác định là **31.950.000đ** (Ba mươi một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), chia theo nghĩa vụ anh Công, chị Hằng mỗi người chịu nộp **15.975.000đ**.

Trả lại ông Hà Văn Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp **31.950.000đ** (*Ba mươi một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*), biên lai thu số 008495 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Chi cục Thi hành án DS TX Phổ Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà